

# KHÁI QUÁT VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

## KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm được vị trí và những đặc trưng cơ bản của bộ phận văn học dân gian Việt Nam ; nhớ được những định nghĩa ngắn gọn về các thể loại chính của bộ phận văn học này.*
- *Biết vận dụng những tri thức trên để tìm hiểu và hệ thống hoá những tác phẩm sẽ học về văn học dân gian Việt Nam.*

## I – VĂN HỌC DÂN GIAN TRONG TIẾN TRÌNH VĂN HỌC DÂN TỘC

Văn học dân gian là những sáng tác tập thể, truyền miệng, lưu truyền trong nhân dân (*dân gian* có nghĩa gốc là *trong dân*).

### 1. Văn học dân gian là văn học của quần chúng lao động

Trong tiến trình văn học dân tộc, văn học dân gian ra đời từ rất sớm. Những thần thoại, truyền thuyết về thời Văn Lang – Âu Lạc còn truyền lại đến ngày nay như các truyện về Lạc Long Quân và Âu Cơ, về thần Tản Viên, Thánh Gióng, về An Dương Vương và Mị Châu, Trọng Thủy,... thuộc số những di sản văn học cổ xưa nhất của dân tộc.

Xã hội Việt Nam từ chế độ công xã nguyên thủy, dần dần có sự phân hoá giai cấp. Khi văn học viết ra đời, văn học dân gian vẫn tiếp tục phát triển chủ yếu trong các tầng lớp dưới, thường được gọi chung là tầng lớp bình dân, bao gồm cả những trí thức mà tư tưởng và sinh hoạt gần gũi với nhân dân lao động.

Trong suốt tiến trình văn học dân tộc, văn học dân gian gắn bó với đời sống và tư tưởng, tình cảm của quần chúng lao động đông đảo trong xã hội, là hình thức nghệ thuật tập thể thể hiện *ý thức cộng đồng* của các tầng lớp dân chúng.

### 2. Văn học dân gian Việt Nam là văn học của nhiều dân tộc

Việt Nam là một quốc gia nhiều dân tộc. Theo con số thống kê năm 1979, Việt Nam có 54 dân tộc, trong đó dân tộc Kinh là đông nhất. Các dân tộc ở Việt Nam dù khác nhau về dân số, về trình độ phát triển kinh tế – xã hội, đều có gia tài văn học dân gian mang *bản sắc riêng* đóng góp vào kho tàng văn học dân gian chung của cả nước. Dân tộc Kinh có hệ thống truyền thuyết phản ánh được

những sự kiện quan trọng của lịch sử dựng nước và giữ nước ; có kho tàng ca dao, dân ca phong phú diễn tả được những khía cạnh tiêu biểu của tâm hồn dân tộc,... Dân tộc Mường có bộ sử thi thần thoại đồ sộ *Đẻ đất đẻ nước*. Các dân tộc Tày, Nùng, Thái có *truyện thơ* rất đa dạng về cốt truyện và giàu cảm hứng nhân đạo,... Các dân tộc ở Tây Nguyên có một số lượng lớn sử thi dân gian còn mang đậm dấu ấn sinh động của một thời kì lịch sử xa xưa.



Hội làng (Ảnh : Trần Phong)

### **3. Một số giá trị cơ bản của văn học dân gian Việt Nam**

Văn học dân gian Việt Nam có nội dung phong phú, phản ánh cuộc sống, thể hiện lí tưởng xã hội và đạo đức của nhân dân lao động các dân tộc, được đánh giá như "sách giáo khoa về cuộc sống". Nó cung cấp những tri thức hữu ích về tự nhiên và xã hội, góp phần quan trọng vào sự hình thành nhân cách con người Việt Nam, bảo tồn và phát huy những truyền thống tốt đẹp như truyền thống yêu nước, tinh thần hướng thiện, trọng nhân nghĩa, giàu tình thương, v.v. Nó là một kho tàng chứa đựng các truyền thống nghệ thuật dân tộc, từ ngôn ngữ đến các hình thức thơ ca, các phương pháp xây dựng nhân vật, thể hiện đề tài, cốt truyện, v.v.

Những giá trị nhiều mặt trên đây khiến cho văn học dân gian không những giàu sức sống, luôn tồn tại và phát triển song song với bộ phận văn học viết, mà còn có tác động mạnh mẽ tới sự hình thành và phát triển của văn học viết. Nhiều tác phẩm văn học viết bằng chữ Hán của người Kinh thuộc giai đoạn đầu của bộ phận văn học viết như *Việt điện u linh tập* (Lý Tế Xuyên), *Lĩnh Nam chích quái lục* (Trần Thế Pháp)<sup>(1)</sup> được xây dựng trên cơ sở các truyền thuyết, cổ tích dân gian.

Nhiều tác phẩm văn học viết bằng chữ Nôm hay chữ quốc ngữ sở dĩ có sức sống lâu bền và được phổ cập rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân, như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, thơ Nôm của Hồ Xuân Hương, thơ Tố Hữu,... một phần là do các tác giả đã tiếp thu một cách sáng tạo giá trị nội dung và kinh nghiệm nghệ thuật của thơ ca dân gian. Trong sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn học nghệ thuật hiện đại đậm đà bản sắc dân tộc hiện nay, văn học dân gian vẫn xứng đáng được coi như một nguồn vô tận cho sự sáng tạo nghệ thuật.

## II – MỘT SỐ ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

Văn học dân gian và văn học viết đều là sáng tác nghệ thuật ngôn từ, song văn học dân gian có những đặc trưng khác với văn học viết về phương thức sáng tác và lưu truyền, về phương pháp miêu tả và biểu hiện đời sống. Những đặc trưng này tạo nên giá trị và vai trò không thể thiếu của văn học dân gian trong lịch sử văn học, văn hoá của dân tộc.

### 1. Tính truyền miệng và tính tập thể của văn học dân gian

a) *Truyền miệng* là phương thức sáng tác và lưu truyền của văn học dân gian. *Văn học truyền miệng* ra đời từ thời kì dân tộc chưa có chữ viết. Tuy nhiên, khi dân tộc đã có chữ viết và văn học viết, thì văn học truyền miệng vẫn tiếp tục phát triển, một mặt do đại đa số nhân dân không có điều kiện học hành để hưởng thụ thành tựu của văn học viết; mặt khác, do văn học viết không thể hiện được đầy đủ tư tưởng, tình cảm, nguyện vọng, thị hiếu và tập quán sinh hoạt nghệ thuật của nhân dân. Vì thế, nhiều người có học mà chịu ảnh hưởng tư tưởng nhân dân cũng tham gia sáng tác và lưu truyền văn học dân gian.

Vậy, *phương thức truyền miệng* của văn học dân gian không phải hoàn toàn do điều kiện hạn chế của lịch sử – xã hội, mà do nhu cầu văn hoá: đó là nhu cầu sáng tác và hưởng thụ văn học *trực tiếp*, là hình thức *giao tiếp trực tiếp* giữa các thành viên của cộng đồng. Về mặt loại hình nghệ thuật, phương thức truyền miệng tạo nên hình thức *diễn xướng* của văn học dân gian.

---

(1) Những tác phẩm này thường được viết tắt là *Việt điện u linh*, *Lĩnh Nam chích quái*.

Phương thức *truyền miệng* có liên quan chặt chẽ với phương thức sáng tác *tập thể* của văn học dân gian.

b) *Tập thể* là một biểu hiện khác của phương thức sáng tác và lưu truyền của văn học dân gian. Có những tác phẩm văn học dân gian ngay từ nguồn gốc đã là công trình sáng tác tập thể của cộng đồng. Đồng thời, cũng có những tác phẩm mà xét về nguồn gốc là sáng tác cá nhân. Có thể phỏng đoán rằng một bài ca dao, một truyện cười chẳng hạn, đầu tiên là do một người sáng tác ra. Nếu sáng tác ấy hay thì sẽ được lưu truyền. Nhưng việc lưu truyền lại được thực hiện bằng con đường của *trí nhớ*. Dùng trí nhớ thì không thể giữ nguyên vẹn được cả nội dung và hình thức của tác phẩm, nhất là những tác phẩm văn xuôi. Hơn nữa, khi hát hoặc kể lại những sáng tác ấy, mỗi người có thể tùy ý thay đổi ít nhiều theo sở thích, mục đích của mình và của người nghe. Thế là dù lúc đầu có thể do một cá nhân sáng tác nhưng trong khi lưu truyền qua những người khác nhau, các địa phương, thời gian khác nhau, tác phẩm văn học dân gian luôn luôn có khả năng tiếp nhận những yếu tố sáng tác mới và trở thành sở hữu tập thể.

Quá trình sáng tác, lưu truyền có tính chất tập thể và bằng con đường truyền miệng như trên đã tạo nên hai đặc điểm nổi bật :

– *Về phương diện hình thức tồn tại*, tác phẩm văn học dân gian thường có nhiều dị bản. Số lượng dị bản khác nhau tùy theo tác phẩm ấy thuộc thể loại nào. Ý nghĩa của các dị bản quan trọng ở chỗ nó in dấu các đặc điểm địa phương, thời gian và đặc điểm văn hoá của cộng đồng lưu truyền tác phẩm.

– *Về phương diện nội dung*, khi miêu tả và biểu hiện đời sống, văn học dân gian chỉ quan tâm tới những gì là *chung cho cả một cộng đồng người*. Phần lớn những gì có tính chất riêng biệt, độc đáo trong cuộc đời, trong tư tưởng, tình cảm của một cá nhân thì bị xoá nhoà, bị quên đi. Văn học dân gian là *tiếng nói chung* của một cộng đồng, không phải là tiếng nói riêng của một tác giả như văn học viết.

Vì là tiếng nói chung nên văn học dân gian có những cốt truyện, nhân vật, tình tiết, hình ảnh, ngôn từ... được *lặp đi lặp lại* ở nhiều tác phẩm khác nhau. Ví dụ, trong nhiều truyện dân gian Việt Nam có tình tiết nhân vật chính được sinh ra do bà mẹ thụ thai một cách khác thường (mẹ Thánh Gióng thụ thai do giẫm phải dấu chân của thần, mẹ Sọ Dừa thụ thai do uống nước ở hốc cây,...). Nhiều câu hát về người phụ nữ trong ca dao thường mở đầu bằng hai từ "thân em" ("Thân em như hạt mưa rào", "Thân em như giếng giữa làng",...). Những cách mở đầu câu hát giống nhau như vậy gọi là các *công thức ngôn từ*. Những tình tiết, công thức ngôn

từ và những yếu tố lặp đi lặp lại khác nữa trong văn học dân gian tạo nên những truyền thống nghệ thuật. Khi phân tích tác phẩm văn học dân gian, cần phát hiện, miêu tả các truyền thống ấy.

## 2. Về ngôn ngữ và nghệ thuật của văn học dân gian

a) *Văn học dân gian* và *văn học viết* đều dùng ngôn ngữ làm phương tiện sáng tác. Nhưng do phương thức truyền miệng nên tác phẩm văn học dân gian đến với người tiếp nhận, thường thức qua các hình thức *lời nói* (như tục ngữ), *lời hát* (như ca dao, dân ca), *lời kể* (như truyện dân gian). Vì vậy, có thể nói chung là khác với văn học viết dùng *ngôn ngữ viết*, văn học dân gian dùng *ngôn ngữ nói*. *Ngôn ngữ văn học dân gian* thường giản dị và còn giữ lại nhiều đặc điểm của ngôn ngữ nói.

b) Về mặt lịch sử, văn học dân gian Việt Nam ra đời từ rất xưa, nên có một số điểm khác biệt với văn học viết về *cách nhận thức* và *phản ánh hiện thực*.

Nhiều nhà khoa học nghiên cứu các xã hội nguyên thuỷ đã cho biết, người nguyên thuỷ có cách nhìn, cách nghĩ, cách cảm khác với người ngày nay. Chẳng hạn, họ tin rằng các vật vô tri vô giác như hòn đá, cái cây cũng biết nghĩ, biết cảm,... nghĩa là cũng có nhiều biểu hiện của sự sống như con người. Do đó, đã phát sinh tín ngưỡng và tục thờ thần núi, thần sông, thần cây,... và trong văn học dân gian đã hình thành những nhân vật thần thoại như Sơn Tinh, Thủy Tinh,... Nhiều cộng đồng người nguyên thuỷ tin rằng tổ tiên họ cũng chính là tổ tiên của một loài thú nào đó hiện đang sinh sống trong địa bàn cư trú của họ. Do đó, trong văn học dân gian đã hình thành những truyện kể về các hiện tượng người hoá vật, vật hoá người, về các con vật biết nói, các con vật linh thiêng có nhiều phép lạ, v.v.

Do cách cảm và cách nghĩ như trên, trong văn học dân gian, ngoài phương pháp phản ánh hiện thực bằng cách mô tả những sự kiện rút ra từ đời sống thực tế, còn có phương pháp phản ánh hiện thực một cách *kì ảo*, nghĩa là mô tả những sự kiện chỉ có trong *trí tưởng tượng*. Trong nhiều thể loại văn học dân gian như thần thoại, truyền thuyết, sử thi, truyện cổ tích thần kì,... lối phản ánh hiện thực một cách kì ảo rất phổ biến.

## III – NHỮNG THỂ LOẠI CHÍNH CỦA VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

Do phương thức sáng tác tập thể, các tác phẩm văn học dân gian chủ yếu được tập hợp lại theo thể loại và được phân tích theo thể loại. Những tác phẩm văn học dân gian được xếp vào cùng một thể loại là những tác phẩm có đặc điểm giống nhau cơ bản về nội dung và nghệ thuật.



Ngày hội Oóc-om-boóc ở Sóc Trăng (Ảnh : Minh Trường)

Văn học dân gian của cộng đồng các dân tộc Việt Nam có những thể loại chính với những đặc điểm sau đây :

1. *Thần thoại* là thể loại tự sự bằng văn xuôi, kể lại sự tích các vị thần sáng tạo thế giới tự nhiên và văn hoá, phản ánh nhận thức, cách hình dung của người thời cổ về nguồn gốc của thế giới và đời sống con người.

2. *Sử thi dân gian* là thể loại tự sự bằng văn vần hoặc văn vần kết hợp với văn xuôi, kể lại những sự kiện lớn có ý nghĩa quan trọng đối với số phận cộng đồng.

3. *Truyện thuyết* là thể loại tự sự bằng văn xuôi, thường kể lại các sự kiện và nhân vật có liên quan với lịch sử địa phương, dân tộc, thường dùng yếu tố tưởng tượng để lí tưởng hoá các sự kiện và nhân vật được kể, thể hiện ý thức lịch sử của nhân dân.

4. *Truyện cổ tích* là thể loại tự sự bằng văn xuôi, thường kể về số phận của các kiểu nhân vật : người mồ côi, người em, người lao động giỏi, người dũng sĩ, người thông minh, chàng ngọc,... qua đó thể hiện quan niệm đạo đức, lí tưởng và mơ ước của nhân dân về hạnh phúc và công lí xã hội.

5. *Truyện cười dân gian* là thể loại tự sự bằng văn xuôi, kể lại các hiện tượng gây cười nhằm giải trí và phê phán những cái đáng cười trong cuộc sống.

6. *Truyện ngụ ngôn* là thể loại tự sự, kể lại những câu chuyện trong đó nhân vật chủ yếu là động vật và đồ vật, ngụ ý nêu lên những kinh nghiệm sống, những bài học luân lí – triết lí nhân sinh.

7. *Tục ngữ* là thể loại lời nói có tính nghệ thuật, đúc kết kinh nghiệm của nhân dân về thế giới tự nhiên và đời sống con người.

8. *Câu đố* là thể loại lời nói có tính nghệ thuật, miêu tả sự vật, hiện tượng bằng lối nói ám chỉ, giấu không cho biết sự vật, hiện tượng để người nghe tự đoán ra, nhằm giải trí và rèn luyện khả năng suy đoán.

9. *Ca dao, dân ca* là thể loại trữ tình bằng văn vần, diễn tả đời sống nội tâm của con người. Dân ca khác ca dao ở chỗ kết hợp giữa lời với giai điệu nhạc.

10. *Vè* là thể loại văn vần, kể lại và bình luận về những sự kiện có tính chất thời sự hoặc những sự kiện lịch sử đương thời.

11. *Truyện thơ dân gian* là thể loại văn vần kết hợp phương thức tự sự với trữ tình, phản ánh số phận của người nghèo khổ và khát vọng về tình yêu, hạnh phúc lứa đôi, về công lí xã hội.

12. *Các thể loại sân khấu dân gian* bao gồm các hình thức ca kịch như *chèo, tuồng đờ* và một số *trò diễn* có tích truyện, có sự kết hợp kịch bản với nghệ thuật diễn xuất, diễn tả những cảnh sinh hoạt và những điển hình con người trong xã hội nông nghiệp cổ truyền Việt Nam.

## HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. *Văn học dân gian* còn gọi là *văn học bình dân* hoặc *văn học truyền miệng*. Theo anh (chị), cách gọi nào nói lên được đặc trưng cơ bản nhất của bộ phận văn học này ?
2. Văn học dân gian Việt Nam có những thể loại chính nào ? (Nêu tên gọi, định nghĩa ngắn gọn và cho ví dụ về mỗi thể loại).
3. Tại sao có thể nói văn học dân gian là bộ "sách giáo khoa về cuộc sống" ?

## BÀI TẬP NÂNG CAO

Tại sao trong tiến trình văn học Việt Nam, bộ phận văn học dân gian ra đời sớm hơn bộ phận văn học viết và sau đó vẫn tiếp tục tồn tại, phát triển cho tới ngày nay ?